

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2022/DS-ST**
Ngày **15 - 7 - 2022**.
V/v: “**Tranh chấp hợp đồng tín dụng**”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH N.

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túc.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Phan Thị Khánh Phượng;

+ Bà Nguyễn Thị Thúy Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân T phố Q, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Q, tỉnh N tham gia phiên tòa:
Ông Võ hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 312/2021/TLST-DS ngày 16/11/2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A. Địa chỉ: Số 25, đường T, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công T, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Miền Trung - Ngân hàng thương mại cổ phần A theo Giấy ủy quyền số 11954/2021/UQ ngày 04/8/2021. Địa chỉ: Số 111 đường P, thành phố Q, tỉnh N. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn V, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1974. Cùng cư trú tại: Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh N. *(Có mặt)*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh Võ Chí B, sinh ngày: 05/6/1997. *(Vắng mặt)*

2/ Anh Võ Chí T, sinh ngày: 19/10/2002. *(Vắng mặt)*

3/ Cháu Võ Chí D, sinh ngày: 12/10/2013.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Võ Chí D là ông Võ Văn V, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1974; cùng cư trú tại: Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh N là cha mẹ của cháu T, cháu D. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 29/10/2021, bản tự khai ngày 16/11/2021, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 21/4/2022, bản tự khai ngày 15/7/2022 và các tài liệu khác có trong hồ sơ; tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Công Tiến đại diện trình bày:

Ngày 14/08/2018, ông Võ Văn V và bà Nguyễn Thị X có vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần A (viết tắt là Ngân hàng) theo Hợp đồng tín dụng số REF1822500061/HĐTD -TDH, với số tiền vay 350.000.000 đồng; mục đích vay để sửa chữa nhà ở, thời hạn vay 120 tháng, kể từ ngày 14/8/2018 đến ngày 14/8/2028, kỳ hạn trả nợ gốc, lãi trả hằng tháng, lãi suất cho vay là 120%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản đảm B thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1058, tờ bản đồ số 03, diện tích 181m², tại thôn T, xã N, huyện T, tỉnh N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP887404, sổ vào sổ cấp GCN H00908 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh N cấp ngày 27/08/2009 cho ông Võ Văn V và bà Nguyễn Thị X. Tài sản này đã được thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: REF1514700008/HĐTC-QSDĐ ngày 27/05/2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF1514700008/HĐTC-QSDĐ-PL ngày 19/02/2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: REF1514700008/HĐTC-QSDĐ-PL01 ngày 23/08/2017 và đã được đăng ký giao dịch đảm B theo quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 29/10/2021 ông Võ Văn V và bà Nguyễn Thị X chỉ trả được cho Ngân hàng với số tiền: 132.305.599 đồng, trong đó nợ gốc: 72.047.957đồng, nợ lãi: 60.257.642đồng.

Tính đến ngày 15/7/2022, ông Võ Văn V và bà Nguyễn Thị X đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng, tổng số tiền là: 373.750.307 đồng, trong đó nợ gốc: 277.952.043 đồng, nợ lãi trong hạn: 74.342.276 đồng, lãi quá hạn: 21.455.988 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Văn V và bà Nguyễn Thị X phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 15/7/2022, tổng số tiền: 373.750.307 đồng, trong đó nợ gốc: 277.952.043 đồng, nợ lãi trong hạn 74.342.276 đồng, lãi quá hạn là 21.455.988 đồng. Buộc ông Võ Văn V và bà Nguyễn Thị X phải tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền nợ lãi tính theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số REF1822500061/HĐTD-TDH ngày 14/08/2018, kể từ ngày 16/7/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông Võ Văn V và bà Nguyễn Thị X không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1058, tờ bản đồ số 03, diện tích 181m², tại thôn T, xã N, huyện T, tỉnh N (Nay là: Thôn T, xã N, T phố Q, tỉnh N) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP887404, số vào sổ cấp GCN H00908 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh N cấp ngày 27/08/2009 cho ông Võ Văn V và bà Nguyễn Thị X.

Trong trường hợp số tiền phát mại, thu hồi từ tài sản B đảm vẫn không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì ông Võ Văn V và bà Nguyễn Thị X phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Tại bản tự khai ngày 26/11/2021, đơn xin trình bày ý kiến ngày 20/12/2021, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 21/4/2022 và tại phiên tòa bị đơn ông Võ Văn V và bà Nguyễn Thị X thống nhất trình bày:

Vào ngày 14/8/2018, chúng tôi có ký Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số REF1822500061/HĐTD-TDH với Ngân hàng thương mại cổ phần A để vay số tiền 350.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số REF1822500061/HĐTD-TDH ngày 14/08/2018 để sửa chữa nhà ở, thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày 14/8/2018 đến ngày 14/8/2028, kỳ hạn trả nợ gốc, lãi trả hằng tháng, lãi suất cho vay là 120%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm B khoản vay, vợ chồng ông V, bà X có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 1058, tờ bản đồ số 03, diện tích 181m², tại thôn T, xã N, huyện T, tỉnh N (nay là thôn T, xã N, T phố

Q). Tuy nhiên, quá trình sử dụng vốn thì vợ chồng chúng tôi làm ăn thất bại, không có thu nhập để trả nợ cho Ngân hàng được.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu vợ chồng chúng tôi trả nợ tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/7/2022, tổng số tiền là: 373.750.307đồng, trong đó nợ gốc 277.952.043đồng, nợ lãi trong hạn 74.342.276đồng, lãi quá hạn 21.455.988đồng.

Chúng tôi thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và đồng ý giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng xử lý để xử lý nếu chúng tôi không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng.

Hiện nay chúng tôi đang sống trong ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất số 1058, tờ bản đồ số 03, diện tích 181m² cùng với các con của tôi là: Võ Chí B, sinh ngày 05/6/1997; Võ Chí T, sinh ngày 19/10/2002; Võ Chí D, sinh ngày 12/10/2013. Cháu B hiện nay làm nghề biển nên thường xuyên vắng nhà; các cháu T, D còn nhỏ, hiện đang sống với chúng tôi. Các cháu không đóng góp xây dựng gì đối với ngôi nhà cấp 4 nói trên. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp thì cháu T, cháu D, cháu B thống nhất cùng với chúng tôi giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để xử lý thu hồi nợ nếu chúng tôi không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập đứng về phía bị đơn là anh Võ Chí B, cháu Võ Chí T, cháu Võ Chí D vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa, không có bản trình bày gửi đến Tòa án và cũng không yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập thêm tài liệu, chứng cứ gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Q, tỉnh N:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập đứng về phía bị đơn là anh Võ Chí B, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, đối với cháu Võ Chí T, Võ Chí D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng có người đại diện hợp pháp là ông Võ Văn V, bà Nguyễn Thị X là cha mẹ đẻ của hai cháu có mặt tại phiên

tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông V, bà X phải trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/7/2022, tổng số tiền 373.750.307 đồng, trong đó nợ gốc 277.952.043 đồng, nợ lãi trong hạn 74.342.276 đồng, lãi quá hạn 21.455.988 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 16/7/2022 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng Đông Nam Á. Trường hợp ông V, bà X không trả được nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1058, tờ bản đồ số 03, diện tích 181m², tại thôn T, xã N, T phố Q, tỉnh N. Buộc các anh B, T, D phải bàn giao tài sản thế chấp như trên khi xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì ông V, bà X có nghĩa vụ tiếp tục trả các khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả xong nợ. Về án phí đề nghị xử lý theo quy định pháp luật. Về chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chịu khoản tiền này (đã nộp và chi phí xong).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu ông V, bà X cùng cư trú tại: Thôn Tân Mỹ (nay là thôn T) xã N, T phố Q, tỉnh N phải trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/7/2022 là 373.750.307 đồng, trong đó nợ gốc 277.952.043 đồng, nợ lãi trong hạn 74.342.276 đồng, lãi quá hạn 21.455.988 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất của các hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 16/7/2022 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A. Trường hợp ông V, bà X không trả cho Ngân hàng thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1058, tờ bản đồ số 03, diện tích 181m², tại thôn T, xã N, T phố Q, tỉnh N. Sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì ông V, bà X có nghĩa vụ tiếp tục trả khoản nợ theo hợp đồng cho vay nêu trên cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A. Tòa án nhân dân T phố Q, tỉnh N xác định quan hệ tranh chấp: “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” và thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án

đã thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Võ Chí B, Võ Chí T nhưng anh B, anh T vẫn không tham gia phiên tòa, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Cháu Võ Chí D vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp của cháu D là ông V, bà X là cha mẹ của cháu D có mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu ông Võ Văn V, bà Nguyễn Thị X thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng số tiền là 373.750.307 đồng. Trong đó: Nợ gốc 277.952.043 đồng, tiền nợ lãi trong hạn 74.342.276 đồng, lãi quá hạn 21.455.988 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất của mà các bên đã ký kết hợp đồng kể từ ngày cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A. Hội đồng xét xử xét thấy ngày 14/08/2018, ông Võ Văn V và bà Nguyễn Thị X đã có quan hệ vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần A (viết tắt là Ngân hàng) theo Hợp đồng tín dụng số REF1822500061/HĐTD –TDH, số tiền vay 350.000.000 đồng, mục đích vay sửa chữa nhà ở, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày 14/8/2018 đến ngày 14/8/2028, kỳ hạn trả nợ gốc, lãi trả hàng tháng, lãi suất cho vay 120%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Giao dịch dân sự giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A với ông V, bà X được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập T văn bản có chữ ký, xác nhận của các bên, không bị lừa dối hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội nên giao dịch dân sự nêu trên là hợp pháp. Ông V, bà X đã nhận đủ tiền vay theo thỏa thuận trong từng hợp đồng nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông V, bà X đã vi phạm hợp đồng khi đến kỳ hạn trả gốc, lãi nhưng không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, tạm tính đến ngày 15/7/2022 (ngày xét xử sơ thẩm), bên bị đơn còn nợ bên nguyên đơn tổng số tiền là 373.750.307 đồng. Trong đó: Nợ gốc 277.952.043 đồng, tiền nợ lãi trong hạn 74.342.276 đồng, lãi quá hạn 21.455.988 đồng. Quá trình giải quyết vụ án anh B, anh T, cháu D đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng thông báo nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ với các quy định tại Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng thì yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu xử lý tài sản B đảm, Hội đồng xét xử xét thấy khi vay vốn để đảm B các khoản tiền vay bên bị đơn đã tự nguyện ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF1514700008/HĐTC-QSĐĐ ngày 27/05/2015; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF1514700008/HĐTC-QSĐĐ-PL ngày 19/02/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF1514700008/HĐTC-QSĐĐ-PL01 ngày 23/08/2017, các hợp đồng trên đã được đăng ký giao dịch đảm B theo quy định pháp luật. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1058, tờ bản đồ số 03, diện tích 181m², tại thôn T, xã N, T phố Q, tỉnh N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP887404, sổ vào sổ cấp GCN: H00908 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh N cấp ngày 27/08/2009 cho ông Võ Văn V và bà Nguyễn Thị X.

Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ: Có các con của ông V, bà X là anh B, anh T, cháu D. Theo lời khai của ông V, bà X quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa 1058 là của vợ chồng tạo lập và trọn quyền sở hữu hợp pháp, không có ai tranh chấp, các con của ông bà còn nhỏ sống chỉ cùng với ông V, bà X ở tại nhà và đất này. Anh B thường xuyên đi biển, khi về cũng ở tại nhà này chứ không đóng góp tạo lập nhà đất này. Hiện trạng nhà và đất không có gì thay đổi so với thời điểm ký hợp đồng thế chấp. Do đó, yêu cầu xử lý tài sản B đảm của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với các quy định tại các Điều 295, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 325, 351 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng thương mại cổ phần A tự nguyện chịu số tiền 2.000.000 đồng (đã nộp và chi phí xong). Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

[2.4] Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử, có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án lẽ ra ông V, bà X phải chịu 373.750.307 đồng x 5% = 18.687.515 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng ngày 22/11/2021, ông V, bà X có đơn đề nghị miễn giảm tiền án phí và được Ủy ban nhân dân xã N xác nhận cho nên Hội đồng xét xử xét thấy theo đơn đề nghị miễn án phí của ông V, bà X với lý do như hiện nay gia đình ông V, bà X đã lâm vào hoàn cảnh kinh tế khó khăn do dịch bệnh Covid – 19 nên dẫn đến ông V, bà X không có khả năng trả nợ được cho Ngân hàng và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã N nơi ông V, bà X đang cư trú; căn cứ vào điều 13 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử đồng ý giảm 50% mức án phí mà ông V, bà X phải nộp. Như vậy, ông V, bà X phải chịu 9.343.758 đồng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 8.376.673 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000216 ngày 12/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự T phố Q, tỉnh N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, 157, 158, khoản 2, 3 Điều 228, Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 317, 318, 319, 320, 322, 323, 325, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng; khoản 2 Điều 26, Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng số REF1822500061/HĐTD –TDH ngày 14/8/2018 đối với ông Võ Văn V, bà Nguyễn Thị X.

2. Buộc ông Võ Văn V, bà Nguyễn Thị X phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền 373.750.307 đồng (Ba trăm bảy mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn, ba trăm lẻ bảy đồng). Trong đó: Nợ gốc 277.952.043 đồng (Hai trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn, không trăm bốn mươi ba đồng), tiền nợ lãi trong hạn 74.342.276 đồng (Bảy mươi bốn triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm bảy mươi sáu đồng), lãi quá hạn 21.455.988 đồng (Hai mươi một triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng (lãi tính đến ngày 15/7/2022)

Kể từ ngày 16/7/2022, ông V, bà X còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

3. Trường hợp ông Võ Văn V, bà Nguyễn Thị X không trả được nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1058, tờ bản đồ số 03, diện tích 181m², tại thôn T, xã N, T phố Q, tỉnh N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP887404, sổ vào sổ

cấp GCN: H00908 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh N cấp ngày 27/08/2009 cho ông Võ Văn V và bà Nguyễn Thị X đã ký kết để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Buộc các anh B, anh T, cháu D phải bàn giao tài sản thế chấp như trên khi xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì ông V, bà X có nghĩa vụ tiếp tục trả các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả xong nợ.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Võ Văn V, bà Nguyễn Thị X phải chịu 9.343.758 đồng (Chín triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi tám đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 8.376.673 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000216 ngày 12/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự T phố Q, tỉnh N

5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng thương mại cổ phần A chịu số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (đã nộp và chi phí xong)

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND TP Q;
- Chi cục THADS TP Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu án văn./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Túc